

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 14

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận I
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Quang Vinh	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên	
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/6/2008)
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/6/2008)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Sơn

Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 1, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính tại Thuyết minh số 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định là giá trị công trình “Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2” nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam với số tiền 141.202.327.060 đồng theo giá trị dự toán của Tổng Công ty Khí Việt Nam phê duyệt, đồng thời ghi tăng tương ứng khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán trong năm. Theo biên bản giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký ngày 1/12/2008, giá trị công trình “Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2” sẽ được coi là phần vốn góp tăng thêm vào Công ty trong năm 2009 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tại ngày báo cáo này, giá trị của công trình nói trên và phương án thanh toán chưa được hai bên ký thỏa thuận chính thức và chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông. Do vậy, việc hạch toán công trình nói trên có thể có sự thay đổi khi có sự thỏa thuận chính thức giữa hai bên và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 7 tháng 3 năm 2008

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
31/12/2008**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU B 01 - DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		517.106.462.079	602.747.176.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	405.774.616.610	532.303.670.049
1. Tiền	111		390.774.616.610	532.303.670.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu	130		103.196.334.220	64.457.064.678
1. Phải thu khách hàng	131		102.448.668.099	64.122.627.481
2. Trả trước cho người bán	132		273.726.121	243.034.436
3. Các khoản phải thu khác	135		473.940.000	91.402.761
III. Hàng tồn kho	140	5	5.001.952.084	4.182.642.353
1. Hàng tồn kho	141		5.001.952.084	4.182.642.353
IV. Tài sản lưu động khác	150		3.133.559.165	1.803.799.521
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.278.232.014	723.801.456
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.453.242.352	425.076.565
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		402.084.799	654.921.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		242.503.370.002	124.689.500.611
I. Tài sản cố định	220		216.564.965.893	86.904.524.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	216.065.090.171	86.796.517.282
- Nguyên giá	222		236.397.303.918	91.617.439.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.332.213.747)	(4.820.922.320)
2. Tài sản cố định vô hình	227		66.155.577	108.007.444
- Nguyên giá	228		125.555.600	125.555.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.400.023)	(17.548.156)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		433.720.145	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.035.917.660	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		3.360.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		22.902.486.449	37.784.975.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	22.083.189.349	36.805.315.535
2. Tài sản dài hạn khác	268		819.297.100	979.660.350
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		759.609.832.081	727.436.677.212

Các thuyết minh từ trang 8 đến 15 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
 31/12/2008

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		304.919.714.970	366.529.975.883
I. Nợ ngắn hạn	310		304.859.851.879	366.509.833.479
1. Phải trả cho người bán	312	8	100.053.153.240	201.858.338.472
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	37.376.512.173	26.160.797.487
3. Phải trả người lao động	315		3.846.382.500	1.511.842.627
4. Chi phí phải trả	316		305.603.842	50.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	163.278.200.124	136.928.854.893
II. Nợ dài hạn	330		59.863.091	20.142.404
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		59.863.091	20.142.404
B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)	400	11	454.690.117.111	360.906.701.329
I. Vốn chủ sở hữu	410		447.888.598.629	359.759.081.367
1. Vốn điều lệ	411		330.000.000.000	330.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.260.004.869	6.397.526.548
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.064.218.705	3.198.763.274
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.559.636.629	1.279.505.310
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.004.738.426	18.883.286.235
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.801.518.482	1.147.619.962
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.801.518.482	1.147.619.962
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		759.609.832.081	727.436.677.212

Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc
 Ngày 7 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến 15 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
31/12/2008**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU B 02 – DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 23/05/2007	
			2008	đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		893.337.191.200	341.027.384.150
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		893.337.191.200	341.027.384.150
4. Giá vốn hàng bán	11		525.808.421.885	233.341.881.460
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		367.528.769.315	107.685.502.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16.174.742.275	4.925.925.191
7. Chi phí tài chính	22		326.290.040	-
8. Chi phí bán hàng	24		54.288.705.327	21.369.230.892
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.439.025.205	2.389.113.544
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		318.649.491.018	88.853.083.445
11. Thu nhập khác	31		29.429.551	1.451.943
12. Chi phí khác	32		499.427.534	-
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(469.997.983)	1.451.943
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		318.179.493.035	88.854.535.388
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	12	80.554.702.515	24.879.269.909
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận thuần sau thuế (60=50-51-52)	60		237.624.790.520	63.975.265.479
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	13	7.201	1.939

Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc
 Ngày 7 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến 15 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
 31/12/2008

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 23/05/2007	
		2008	đến 31/12/2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	318.179.493.035	88.854.535.388
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.553.143.294	4.838.470.476
Các khoản dự phòng	03	324.082.340	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	05	(16.174.742.275)	(4.925.925.191)
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	317.881.976.394	88.767.080.673
(Tăng) các khoản phải thu	09	(40.192.511.894)	(65.072.867.343)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(819.309.731)	(4.182.642.353)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(197.592.879.950)	282.462.651.420
(Tăng) giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	15.005.972.144	(37.529.116.991)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(73.063.457.892)	(3.223.400.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.366.327.384)	(1.376.162.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.853.461.687	259.845.542.706
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.011.257.401)	(3.000.104.798)
2. Góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.360.000.000)	-
3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	16.174.742.275	4.858.232.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.803.484.874	1.858.127.343
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	31	-	270.600.000.000
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(153.186.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(153.186.000.000)	270.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(126.529.053.439)	532.303.670.049
Tiền tồn đầu kỳ	60	532.303.670.049	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	405.774.616.610	532.303.670.049

Nguyễn Văn Sơn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 7 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Phương Thúy
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến 15 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 23/8/2007, lần 2 ngày 31/1/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng. Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam,
- Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam,
- Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc,
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,
- Công ty CP Thương mại Kinh Thành,
- Công ty CP Đầu tư Phương Mai, và
- Công ty TNHH Minh Thành.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 126 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống. Mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại TP. Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí. Tư vấn chuyển giao công nghệ. Xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí. Mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở công ty). Dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở công ty; không thiết kế phương tiện vận tải). Mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Kinh doanh bất động sản. Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn phản ánh khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 28% trên tổng lợi nhuận thu được. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	610.692.980	132.744.047
Tiền gửi ngân hàng	390.163.923.630	483.475.734.494
Tiền đang chuyển	-	48.695.191.508
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
	405.774.616.610	532.303.670.049

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.745.109.090	3.944.624.515
Công cụ, dụng cụ	256.842.994	214.813.154
Hàng hóa	-	23.204.684
	5.001.952.084	4.182.642.353

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2008	645.810.200	86.825.192.777	3.002.502.225	1.143.934.400	91.617.439.602
Nhận bàn giao	-	141.202.327.060	-	-	141.202.327.060
Mua sắm mới	740.389.883	256.182.234	1.746.886.712	834.078.427	3.577.537.256
Tại ngày 31/12/2008	1.386.200.083	228.283.702.071	4.749.388.937	1.978.012.827	236.397.303.918
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2008	58.533.260	4.398.171.666	227.536.579	136.680.815	4.820.922.320
Trích khấu hao	124.095.336	14.213.118.708	653.271.145	520.806.238	15.511.291.427
Tại ngày 31/12/2008	182.628.596	18.611.290.374	880.807.724	657.487.053	20.332.213.747
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2007	587.276.940	82.427.021.111	2.774.965.646	1.007.253.585	86.796.517.282
Tại ngày 31/12/2008	1.203.571.487	209.672.411.697	3.868.581.213	1.320.525.774	216.065.090.171

Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định là giá trị công trình “Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2” nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam với số tiền 141.202.327.060 đồng theo giá trị dự toán của Tổng Công ty Khí Việt Nam phê duyệt, đồng thời ghi tăng tương ứng khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán trong năm (thuyết minh số 8). Theo biên bản làm việc giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ngày 1/12/2008, giá trị công trình “Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2” sẽ được coi là phần vốn góp tăng thêm vào Công ty trong năm 2009 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tại ngày báo cáo này, giá trị của công trình nói trên và phương án thanh toán chưa được hai bên ký thỏa thuận chính thức và chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông. Do vậy, vậy giá trị và việc hạch toán công trình nói trên có thể có sự thay đổi khi có sự thỏa thuận chính thức giữa hai bên và sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2008	Từ 23/5/2007
	VND	đến 31/12/2007
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	36.805.315.535	-
Tăng thêm trong kỳ	-	44.166.378.643
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(14.722.126.186)	(7.361.063.108)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	22.083.189.349	36.805.315.535

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh khoản Tổng Công ty Khí Việt Nam góp vốn bằng lợi thế kinh doanh với số tiền 44.166.378.643 đồng trong năm 2007 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ ngày 23/5/2007.

8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	99.906.463.081	201.765.600.200
Khác	146.690.159	92.738.272
	100.053.153.240	201.858.338.472

Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ, công ty trực thuộc Tổng Công ty Khí Việt nam, là nhà cung cấp khí thấp áp của Công ty theo Hợp đồng mua bán khí số 328/2007/PVGAS/TM-PVGASD/B1 ngày 21/12/2007

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	8.206.991.845	4.464.028.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.147.114.532	21.655.869.909
Thuế thu nhập cá nhân	22.405.796	40.899.290
	37.376.512.173	26.160.797.487

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam	141.202.327.060	103.753.836.329
Cổ tức phải trả	21.780.000.000	33.000.000.000
Khác	295.873.064	175.018.564
	163.278.200.124	136.928.854.893

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đa káo, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2008**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2008	330.000.000.000	6.397.526.548	3.198.763.274	1.279.505.310	18.883.286.235	1.147.619.962	360.906.701.329
Tăng trong năm	-	58.862.478.321	11.865.455.431	2.480.131.319	157.297.452.191	8.610.225.904	239.115.743.166
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	237.624.790.520	-	237.624.790.520
Trích từ lợi nhuận	-	65.260.004.869	11.865.455.431	3.559.636.629	(87.804.370.187)	7.119.273.258	-
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	(6.397.526.548)	-	(1.079.505.310)	7.477.031.858	-	-
Thưởng an toàn trích vào chi phí	-	-	-	-	-	1.490.952.646	1.490.952.646
Giảm trong năm	-	-	-	200.000.000	142.176.000.000	2.956.327.384	145.332.327.384
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Thư ký	-	-	-	-	210.000.000	-	210.000.000
Chi quỹ	-	-	-	200.000.000	-	2.956.327.384	3.156.327.384
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	141.966.000.000	-	141.966.000.000
Tại ngày 31/12/2008	330.000.000.000	65.260.004.869	15.064.218.705	3.559.636.629	34.004.738.426	6.801.518.482	454.690.117.111

Trong năm, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 86.975.591.307 đồng theo tỷ lệ của phương án phân phối lợi nhuận 2008 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2008. Công ty cũng thực hiện hoàn nhập các quỹ đã trích theo phương án phân phối lợi nhuận cho kỳ hoạt động từ ngày 23/5/2007 đến ngày 31/12/2007 theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2008 với số tiền là 7.477.031.858 đồng.

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho kỳ hoạt động từ ngày 23/5/2007 đến 31/12/2007 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2008 với cổ tức trên mỗi cổ phần là 1.802 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2008 với số tiền 3.500 đồng/cổ phần. Cổ tức cuối cùng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được đề xuất trong Đại hội đồng cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Tại ngày 31/12/2008	
	%	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam	18,00	59.400.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	17,00	56.100.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	15,00	49.500.000.000
Công ty CP Thương mại Tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	2,25	7.440.000.000
Công ty CP Thương mại Kinh Thành	2,45	8.100.000.000
Công ty CP Đầu tư Phương Mai	2,00	6.600.000.000
Công ty TNHH Minh Thành	3,29	10.860.000.000
Các cổ đông khác	40,00	132.000.000.000
	100	330.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31/12/2008 là 33.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

12. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2008	From 23/5/2007
	VND	To 31/12/2007
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	318.179.493.035	88.854.535.388
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	318.179.493.035	88.854.535.388
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	89.090.258.050	24.879.269.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	8.535.555.535	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	80.554.702.515	24.879.269.909

(*): Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong Quý 4/2008 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 300 người. Số thuế được giảm được xác định bằng số thuế phải nộp Quý 4 năm 2008 nhân (x) với 30%.

13. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU CƠ BẢN

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	2008	Từ 23/05/2007
	VND	đến 31/12/2007
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	237.624.790.520	63.975.265.479
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	33.000.000
Lãi trên cổ phiếu cơ bản	7.201	1.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mua hàng hóa

Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (Tổng Công ty Khí Việt Nam) 525.785.217.201 233.341.881.460

Nhận bàn giao tài sản và công nợ

Tổng Công ty Khí Việt Nam 141.202.327.060 163.153.836.329

Trả cổ tức

Tổng Công ty Khí Việt Nam 25.553.880.000 5.940.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam 24.134.220.000 5.610.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc 21.294.900.000 4.950.000.000
Công ty CP thương mại tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu 14.196.600.000 3.300.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc 3.090.310.301 1.671.087.903

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	31/2/2008	31/2/2007
	VND	VND
Phải trả cho người bán		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (Tổng Công ty Khí Việt Nam)	99.906.463.081	201.765.600.200
Phải trả phải nộp khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	153.082.327.060	109.693.836.329
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9.900.000.000	4.950.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	-	5.610.000.000
Công ty CP thương mại tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	-	3.300.000.000

15. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 01/06/2007, Công ty đã ký hợp đồng số 046-2007/PTSC-TMDV/BDV với Công ty TNHH một thành viên thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển thuê văn phòng tại tòa nhà Petrovietnam Tower với thời hạn 03 năm, số tiền thuê phải trả là 3.525 USD/tháng (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Ngày 26/10/2007, Công ty đã ký hợp đồng số 548/HĐ07-LG4 với Công ty Cổ phần y dược phẩm Vimedimex thuê văn phòng tại tòa nhà CitiLight Tower với thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/12/2007 với số tiền thuê hàng tháng là 13.050 USD/tháng (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Cam kết vốn

Công ty dự kiến đầu tư mua sắm để tạo tài sản cố định với số tiền là 216,699 tỷ đồng trong năm 2009 (trong đó đầu tư "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2" là 200 tỷ đồng).

16. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước được lập cho giai đoạn từ ngày 23/5/2007 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2007 (kỳ kế toán khoảng 7 tháng). Do đó, các số liệu này không tương đồng về kế toán nên không thể so sánh được với năm hiện tại (kỳ kế toán đủ 12 tháng).
